

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Trắc địa địa chính-209102

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10124004	LÊ HUỖNH ĐỨC	ANH	Anh		8,0		6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12333363	PHẠM THỊ VÂN	ANH	Phạm Thị Vân		8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	09333010	TRẦN TUẤN	ANH	Trần Tuấn		7,0		5,0	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	10124020	DƯƠNG BIÊN	CƯỜNG	Dương Biên		8,0		5,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12333040	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	Nguyễn Văn		8,0		6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	11333216	PHẠM CHÍ	CƯỜNG	Phạm Chí		8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	10151107	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	Le Thi Phuong		8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	10151040	NGÔ TUẤN	DŨNG	Ngô Tuấn		8,0		8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	10124029	TRƯƠNG NHẬT	DUY	Truong Nhat		8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	10333017	VÕ NGUYỄN MỸ	DUYÊN	Võ Nguyễn Mỹ		6,0		5,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12333377	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	Nguyễn Thị Thùy		8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11333170	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Nguyễn Thành		8,0		4,5	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	11124120	LÊ VĂN PHƯỚC	ĐĂNG	Le Van Phuc		6,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11124078	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Nguyễn Thị Thu		8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	09151039	LÊ	HÀ	Le							
16	10151009	NGUYỄN NGỌC	HÀI	Nguyen Ngoc		8,0		6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	09125242	VĂN	HÀI	Van		8,0		6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	11124019	VÕ THỊ BÍCH	HẠNH	Võ Thị Bích		8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Trắc địa địa chính-209102

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12333378	TRẦN ANH	CD12CQ			8,0		2,0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11333173	HOÀNG THỊ NGỌC	CD11CQ			8,0		8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12333096	NGUYỄN THỊ THANH	CD12CQ			8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12333067	TRẦN TRUNG	CD12CQ			8,0		2,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12333385	NGUYỄN VĂN HÒA	CD12CQ			8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12333305	ĐÀO THỊ HOÀI	CD12CQ								
25	12333484	NGUYỄN THỊ HOÀN	CD12CQ			8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11333053	NGUYỄN THANH HỒNG	CD11CQ			8,0		6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12124179	LÊ MINH HUY	DH12QL			8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11333179	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỖN	CD11CQ			8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11333058	VÕ THỊ NGỌC HUỖN	CD11CQ			8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09124039	ĐẶNG HOÀNG KHƯƠNG	CD10CQ			8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11333098	PHẠM NGỌC ANH LÂM	CD11CQ			8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Hồng Sơn

Nguyễn Đức Cường

Nguyễn Ngọc Túy

Th.S. Phạm Hồng Sơn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Trắc địa địa chính-209102

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD202

Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	10124093	NGÔ DUY	LINH		1	7,0		6,5	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12124044	PHAN THỊ HOÀNG	LINH		1	8,0		6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12333132	TRẦN MẠNH	LINH		1	8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12333399	MAI THỊ HỒNG	LOAN		1	8,0		4,0	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	10124101	PHẠM THỊ BÍCH	LOAN		2	7,0		7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12333340	PHẠM THỊ THANH	LOAN		1	8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	10124105	LÊ NGỌC	LỢI		1	7,0		7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	11333074	NGUYỄN MINH	LUẬN		1	8,0		6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12124218	VÕ THỊ NGỌC	LUYẾN		1	8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12333154	PHẠM MINH	LÝ		2	8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12124051	TRẦN THỊ THANH	MẾN		2	8,0		8,5	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11333078	TRỊNH ĐÌNH	NAM		1	8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12333282	DƯƠNG THỊ HOÀI	NGHĨA		1	8,0		4,5	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11333081	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA		1	8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	11333083	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC		1	8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	11333085	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12333178	CÁI THÀNH	NHÂN		1	8,0		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12124055	PHẠM PHƯỚC	NHÂN		1	8,0		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Trắc địa địa chính-209102

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12124259	DƯƠNG ÁNH	DH12QL		1	8,0		7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12333197	TRẦN THỊ THUY	CD12CQ		1	8,0		7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11124066	HỒ TẤN	DH11QL		1	8,0		7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11124163	DANH THANH	DH11QL		2	8,0		7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10333068	NGUYỄN THANH	CD10CQ		1	8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12333416	TRẦN THANH	CD12CQ		1	8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11333188	TRƯƠNG THANH	CD11CQ		2	8,0		5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12124062	NGUYỄN HOÀNG	DH12DC		1	8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12333140	LÊ THANH	CD12CQ		1	8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11124105	NGUYỄN THỊ THANH	DH11QL		2	8,0		7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10333134	NGUYỄN MINH	CD10CQ		1	8,0		6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11333192	LÊ THỊ KIM	CD11CQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12333423	NGUYỄN THUY	CD12CQ		1	8,0		7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Hằng Yến

Nguyễn Ngọc Thành

Nguyễn Ngọc Tuy

Th.S. Phạm Hằng Sơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 003

Trang 2/5

Mã nhận dạng 00443

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Trắc địa địa chính-209102

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD203 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	10333090	TRẦN MINH TRÍ	CD10CQ		2	8,0		5,5	6,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12333480	CÚ THỊ VIỆT TRINH	CD12CQ		1	8,0		4,5	5,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12124328	NGUYỄN THỊ TRINH	DH12DC		1	8,0		7,0	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11333045	LÔ VĂN TRÌNH	CD11CQ		1	8,0		7,0	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10333103	NGUYỄN PHẠM XUÂN TRƯỜNG	CD10CQ		1	8,0		5,0	5,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11333128	TRẦN ANH TUẤN	CD11CQ		1	7,0		6,5	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09333170	VÕ ANH TUẤN	CD09CQ		1	7,0		5,5	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12124337	LÊ THỊ TUYỀN	DH12QL		1	8,0		6,5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10124242	BÙI THỊ TUỔI	DH10QL		1	7,0		5,5	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11333134	LÊ VŨ	CD11CQ		1	8,0		5,0	5,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12124353	VÕ ANH VŨ	DH12QL		1	8,0		6,0	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12124360	TRẦN THỊ HẢI YẾN	DH12DC		1	8,0		6,5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2









Ths. Phạm Hồng Sơn

Nguyễn Thị Hải Yến

Nguyễn Ngọc Trung